**BẢNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNGMỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung dự thảo Nghị định** | **Ý kiến của các cơ quan, đơn vị** | **Tiếp thu, giải trình** |
|  | **Sở GTVT Hà Tĩnh:**  Tại dự thảo Tờ trình có nêu việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng để thực thi phương áncắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đơn giản hóa đối với hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, xin cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không quy định tại khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 57 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP 25/01/2021 của Chính phủ, để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với mục tiêu. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu chỉnh lý dự thảo Nghị định |
|  | **Sở GTVT Hà Tĩnh:**  Đề nghị xem xét việc đánh số thứ tự các khoản của Điều 3 cho hợp lý, hiện dự thảo đánh số thứ tự đang bỏ qua khoản 2, khoản 11; đồng thời, xem xét cách viết hoa khi viện dẫn các điểm, khoản, điều trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ cho phù hợp (*tại khoản 7 Điều 1 sửa đổi khoản 1 Điều 9, khoản 3 Điều 2 bổ sung điểm b khoản 2 Điều 19, khoản 1 khoản 2 Điều 4,…*. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa dự thảo |
|  | **Sở GTVT Hải Phòng:**  Đề nghị ban soạn thảo Dự thảo Nghị định nghiên cứu điều chỉnh thay thế câu “…bằng các hình thức phù hợp khác” thành “…**dịch vụ công trực tuyến**…” | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu ý kiến, chỉnh lý hồ sơ theo hướng quy định nộp trực tuyến trên môi trường điện tử |
|  | **Sở GTVT Bình Thuận**  Sau khi nghiên cứu, Sở Giao thông vận tải Bình Thuận nhận thấy các nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng như: trách nhiệm của người nộp hồ sơ và Cục Hàng không Việt Nam; điều kiện tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam; giải quyết khiếu nại, kiến nghị, sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA. Đây là lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến hàng không dân dụng. Sở Giao thông vận tải Bình Thuận kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét ý kiến các ngành có liên quan đến hoạt động này để sửa đổi, bổ sung Nghị định./. | Về ý kiến này, Bộ GTVT đã rà soát và tiếp thu, giải trình từng nội dung góp ý tại Bàng tổng hợp này. |
|  | **Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn:**  Đề nghị trình bày dự thảo Nghị định theo mẫu số 28 Phụ lục I Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, chuyển khoản 13 Điều 3 dự thảo Nghị định sang Điều 4 và chỉnh sửa Điều 4 theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định 154/2020/NĐ-CP. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định |
|  | **BỘ Giáo dục và Đào tạo:**  Dự thảo Nghị định và một số tài liệu trong Hồ sơ trình vẫn còn có một số lỗi kỹ thuật. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải rà soát, chỉnh lý và hoàn thiện Hồ sơ theo đúng quy định. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, rà soát, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Nghị định |
|  | **Bộ Tài nguyên và Môi trường**:  thống nhất với dự thảo Nghị định nêu trên. Đề nghị Quý Bộ rà soát thống nhất việc ghi hoặc không ghi đầy đủ bằng số và bằng chữ đối với các con số chỉ số lượng trong toàn bộ dự thảo Nghị định. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, rà soát, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Nghị định |
|  | **Bộ Ngoại giao:**  - Tại dự thảo Tờ trình, Mục IV.2 về “nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định”: đề nghị Quý Bộ cân nhắc nêu cụ thể hơn các nội dung sửa đổi, thay vì chỉ dẫn chiếu đến các văn bản có liên quan như Quyết định số 1977/QĐ-TTg, Thông tư 02/2017/TT-VPCP…  - Đề nghị Quý bộ nghiên cứu và bổ sung các nội dung sau: (i) nội dung của chính sách và đánh giá tác động của chính sách; (ii) tính tương thích của dự thảo Nghị định với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với quy định khoản 2, khoản 3 Điều 85 và khoản 3 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Tờ trình  Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, rà soát chỉnh lý dự thảo Tờ trình |
|  | **Bộ Tài chính**  Về đầu tư góp vốn (tiền, tài sản) để thành lập, duy trì và tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không:  Theo quy định tại Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ[[1]](#footnote-1) thì doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không phải đảm bảo điều kiện về mức vốn tối thiểu (bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn vay) để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không; và doanh nghiệp có thể tăng vốn, giảm vốn để mở rộng, thu hẹp phạm vi kinh doanh, bổ sung, rút bớt ngành, nghề kinh doanh khác.  Bộ Tài chính thấy rằng, trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không thực hiện tăng vốn để mở rộng phạm vi kinh doanh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh khác là phù hợp với quy định và nhu cầu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để đảm bảo việc tăng vốn là phục vụ cho mục đích tăng cường năng lực tài chính và hoạt động ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không; tránh trường hợp tăng vốn để sử dụng cho mục đích khác (ví dụ: Công ty mẹ đầu tư bổ sung góp vốn vào công ty con, là doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không, nhưng phần vốn góp bổ sung này không được sử dụng để đầu tư tăng cường năng lực vận chuyển hàng không, đảm bảo khả năng thanh toán nợ... mà được sử dụng để đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác; hoặc cổ đông góp bổ sung vốn bằng cổ phiếu, quyền khai thác tài sản nên thực tế không tăng cường năng lực tài chính, bổ sung dòng tiền cho doanh nghiệp...); Bộ Tài chính đề nghị Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu bổ sung quy định đối với trường hợp doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không khi tăng vốn phải đảm bảo phần vốn góp là vốn góp bằng tiền, tài sản để tăng cường năng lực tài chính, bổ sung dòng tiền cho doanh nghiệp mà không phải góp bằng cổ phiếu, quyền khai thác tài sản của cổ đông góp vốn, tài sản cố định không phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng không... | Về ý kiến này, Bộ GTVT giải trình như sau:  Việc xây dựng dự thảo Nghị định nhằm mục tiêu thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg.  Tuy nhiên, nội dung đề xuất của Quý Bộ hiện đang không nằm trong phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg. Do đó, Bộ Giao thông vận tải sẽ nghiên cứu ý kiến này trong quá trình sửa đổi toàn diện Nghị định số 89/2019/NĐ-CP |
| *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;* | **Sở GTVT Hà Tĩnh:**  Do các Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ ban hành được căn cứ bằng nhiều văn bản luật liên quan, vì vậy đề nghị xem xét bổ sung một số căn cứ như Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Giá,… để làm cơ sở ban hành Điều 2, Điều 3 của Nghị định. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa dự thảo Nghị định |
| *Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;* |  |  |
| *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;* |  |  |
| *Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.* |  |  |
| **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số**[**68/2015/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-68-2015-nd-cp-quy-dinh-dang-ky-quoc-tich-va-dang-ky-cac-quyen-doi-voi-tau-bay-287158.aspx)**ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay** |  |  |
|  | **Bộ Kế hoạch và đầu tư**  Theo Quy định tại các Điều 25,26 và Điều 28 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP gày 31/10/2017 của VPCP hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, đề nghị Bộ GTVT rà soát các thủ tục hành chính liên quan đến các dịch vụ đăng ký quốc tịch và đăng ký các quền đối với tàu bay, xem xét sự cần thiết có thể cắt giảm thủ tục nộp bản gốc để đối chiếu thiếu nhưng vẫn đảm bảo tính pháp lý thì tiến hành cắt giảm để đơn giản hóa thủ tục hành chính, đạt được cấp dịch vụ công trực tuyến theo cấp độ cụ thể nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công, đảm bảo tính minh bạch, thông thoáng. Theo dự thảo Nghị định, Bộ GTVT hiện sửa đổi theo hướng cắt giảm thủ tục giấy tờ gốc để đáp ứng cung cấp dịch vụ công mức độ 4 nhưng lại quy định người nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của các giấy tờ, trong khi Cục HKVN không chịu trách nhiệm đối với thông tin đăng ký là chưa phù hợp với tinh thần hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định, theo đó bỏ quy định này. |
| **“Điều 3b. Trách nhiệm của người nộp hồ sơ và Cục Hàng không Việt Nam** | **Sở GTVT Hà Tĩnh:**  Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo (bổ sung Điều 3b) quy định trách nhiệm người nộp hồ sơ “Người đề nghị tự kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các tiêu chí trên các tờ khai theo quy định…”, tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 7…của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP cũng đã quy định nội dung yêu cầu người đề nghị “phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ”. Do đó, để tránh trùng lặp tại dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét nội dung này | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị định để tránh trùng lặp |
| 1. Người đề nghị tự kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các tiêu chí trên các tờ khai theo quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các giấy tờ, thành phần hồ sơ đã nộp, xuất trình; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại Cục Hàng không Việt Nam. | **Ngân hàng nhà nước Việt Nam:**  - Khoản 1 Điều 3b: Đề nghị làm rõ quy định yêu cầu “người đề nghị …chịu trách nhiệm … về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại Cục Hàng không Việt Nam”, vì phạm vi, nội dung thông tin lưu trữ tại 02 đơn vị có thể khác nhau (đặc biệt trong trường hợp chuyển quyền sở hữu tàu bay). | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, rà soát chỉnh lý dự thảo Nghị định theo đó đã bỏ nội dung này. |
| 2. Cục Hàng không Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với những thông tin đăng ký không đúng thực tế do người đề nghị nộp hồ sơ. | **Ngân hàng nhà nước Việt Nam:**  - Khoản 2 Điều 3b: Đề nghị làm rõ thế nào là “thông tin đăng ký không đúng thực tế do người đề nghị nộp hồ sơ”? | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, rà soát chỉnh lý dự thảo Nghị định theo đó đã bỏ nội dung này. |
| 3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định. Trường hợp người đề nghị đã nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính hoặc được miễn nghĩa vụ tài chính liên quan đến thủ tục hành chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của Cục Hàng không Việt Nam.” |  |  |
| 2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 4 như sau: |  |  |
| a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 như sau: |  |  |
| “a) Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam và do tổ chức, cá nhân Việt Nam khai thác (trường hợp tàu bay do cá nhân khai thác thì cá nhân phải thường trú tại Việt Nam); tàu bay được thuê mua hoặc thuê theo hình thức thuê không có tổ bay với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai thác tại Việt Nam phải đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.” | **Bộ Tài chính**  Đề nghị làm rõ nội dung “tàu bay được thuê mua hoặc thuê theo hình thức thuê không có tổ bay với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai thác tại Việt Nam phải đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.” có bao gồm trường hợp thuê tàu bay thuộc sở hữu của doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài hay không. | Về ý kiến này, Bộ GTVT giải trình như sau:  Tại khoản 5 Điều 13 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam đã quy định rõ “Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê theo hình thức thuê không có tổ bay, thuê mua được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định của Chính phủ.” |
| b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4 như sau: |  |  |
| “c) Đối với tàu bay đã qua sử dụng, khi đăng ký quốc tịch lần đầu phải đáp ứng yêu cầu về tuổi theo quy định của pháp luật về quản lý tàu bay nhập khẩu vào Việt Nam.” |  |  |
| c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 4 như sau:  “3. Điều kiện tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam  Tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam nếu tàu bay đó đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam và đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b và d Khoản 2 Điều này.” |  |  |
| 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau: |  |  |
| “2. Hồ sơ đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, bao gồm: |  |  |
| a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |  |
| b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại; |  |  |
| c) Bản sao giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay; |  |  |
| d) Bản sao giấy chứng nhận chưa có đăng ký do quốc gia nhà chế tạo cấp hoặc giấy chứng nhận đã xóa đăng ký do quốc gia đã đăng ký cấp; |  |  |
| đ) Bản sao tài liệu về tình trạng kỹ thuật của tàu bay, bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu còn hiệu lực đối với tàu bay được sản xuất tại nước ngoài; văn bản xác nhận của nhà chế tạo về tuân thủ các điều kiện thiết kế, chế tạo còn hiệu lực đối với tàu bay mới xuất xưởng; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng thực hiện các chỉ lệnh hoặc thông báo kỹ thuật đã được thực hiện trên tàu bay; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng kỹ thuật của tàu bay, động cơ và các thiết bị khác; |  |  |
| e) Bản sao hợp đồng mua tàu bay hoặc hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê - mua tàu bay.” |  |  |
| 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau: |  |  |
| “2. Hồ sơ đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, bao gồm: |  |  |
| a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |  |
| b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại; |  |  |
| c) Bản sao giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay; |  |  |
| d) Bản sao giấy tờ hợp pháp chứng minh việc tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam; |  |  |
| đ) Hồ sơ thiết kế tàu bay.” |  |  |
| 5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 7 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.” |  |  |
| 6. Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 8 như sau:  “đ) Tàu bay hư hỏng nặng không còn khả năng sửa chữa, phục hồi.” |  |  |
| 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau: |  |  |
| “1. Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các điểm a, b và đ Khoản 1 và điểm a, b Khoản 2 Điều 8 Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam quyết định xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp bị mất hoặc tiêu hủy theo tàu bay.” |  |  |
| 8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 9 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.” |  |  |
| 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau: |  |  |
| “5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp bị mất hoặc tiêu hủy theo tàu bay; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.  Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có văn bản hướng dẫn người đề nghị xóa đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Trường hợp tàu bay còn các quyền lợi khác được đăng ký Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam, yêu cầu người đề nghị xóa đăng ký phối hợp với các bên có quyền lợi xóa các thông tin được đăng ký trong Sổ đăng bạ trước khi tàu bay được cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam và xuất khẩu.” |  |  |
| 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau: |  |  |
| “3. Trường hợp chủ sở hữu tàu bay, người cho thuê tàu bay đề nghị xuất khẩu tàu bay thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đề nghị đăng ký tàu bay, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.” |  |  |
| 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau: |  |  |
| “ d) Chữ “D” đối với tàu bay hoạt động hàng không chung; |  |  |
| e) Chữ “E” đối với các phương tiện bay khác. “ |  |  |
| 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau: | **UBND tỉnh Thanh Hóa:**  Tại khoản 12 Điều 1 quy định “*Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam không được có dấu hiệu có nội dung hoặc hình thức trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác*” đề nghị quy định rõ ràng cụ thể nội dung “ *tương tự đến mức gây nhầm lẫn*” | Về ý kiến này, Bộ GTVT xin giải trình như sau:  Quy định này đã được quy định tại Nghị định 07/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay. Mỗi quốc gia đều có quy cách thể hiện dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký riêng (tương tự Điều 11 Nghị định 68 đối với tàu bay VN), do đó tàu bay mang quốc tịch Việt Nam không được có dấu hiệu có nội dung hoặc hình thức trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác. Việc áp dụng quy định này tương tự với quy định về sở hữu trí tuệ. Đến nay chưa phát sinh vướng mắc từ thực tiễn. |
| “2. Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam không được có dấu hiệu có nội dung hoặc hình thức trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác.” |  |  |
| 13. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 13 như sau: |  |  |
| a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 13 như sau: |  |  |
| “a) Hình ảnh Quốc kỳ Việt Nam có chiều rộng bằng hai phần ba (2/3) chiều dài, kích thước cân đối và phù hợp với từng loại tàu bay; được sơn hoặc gắn ở hai mặt ngoài của cánh đuôi đứng hoặc hai bên phần đầu thân của tàu bay.” |  |  |
| b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau: |  |  |
| “4. Đối với tàu bay nặng hơn không khí nhưng không có bộ phận đáp ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều này và tàu bay khác không phải tàu bay nặng hơn không khí, việc sơn hoặc gắn dấu hiệu do người đăng ký tàu bay quyết định và phải phù hợp với quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.” |  |  |
| c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 13 như sau: |  |  |
| “5. Trường hợp tàu bay được thuê có tổ bay, tàu bay phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhập khẩu vào Việt Nam.” |  |  |
| 14. Sửa đổi, bổ sung b, điểm c khoản 2 Điều 15 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. | **Ngân hàng nhà nước Việt Nam:**  Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định 68/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì quyền đối với tàu bay bao gồm: “Thế chấp, cầm cố tàu bay hoặc các giao dịch bảo đảm khác theo quy định của pháp luật về dân sự”. Nội dung sửa đổi điểm b, điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định 68/2015/NĐCP có bao gồm nội dung đăng ký quyền sở hữu tàu bay trong trường hợp chuyển quyền sở hữu nhưng chưa yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan đến việc thế chấp, cầm cố hoặc các giao dịch bảo đảm khác theo quy định của pháp luật dân sự. Đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, rà soát bổ sung để tránh phát sinh các 2 vướng mắc trong thực tế khi đăng ký quyền sở hữu đối với tàu bay đang được thế chấp, cầm cố. | Về ý kiến này, Bộ GTVT xin giải trình như sau:  Thế chấp, cầm cố tàu bay được thực hiện theo quy định tại Nghị định 102/2017/NĐ-CP. Việc đăng ký sở hữu và đăng ký cầm cố thế chấp tàu bay đều được Cục HKVN thực hiện và là cơ quan đăng ký theo Công ước Giơ ne vơ 1948 và đều được ghi nhận vào 01 Sổ quản lý là Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam theo quy định của Công ước Chi ca go, Công ước Giơ ne vơ và thông lệ quốc tế, do vậy cơ quan đăng ký kiểm tra được các thông tin liên quan đến quyền lợi dân sự đăng ký tại VN của tàu bay, hiện nay việc thực hiện đăng ký đã hơn 20 năm và chưa phát sinh vướng mắc trong thực tế. |
| c) Bản sao giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay; trường hợp chuyển quyền sở hữu tàu bay phải có thêm giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của chủ sở hữu cũ.” |  |  |
| 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau: |  |  |
| “1. Người thuê mua tàu bay, người thuê tàu bay có thời hạn từ 06 tháng trở lên đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi 1 bộ hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.” |  |  |
| 16. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 16 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. |  |  |
| c) Bản sao hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay đồng thời là chủ sở hữu tàu bay; |  |  |
| d) Bản sao hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay và giấy tờ chứng minh bên cho thuê hoặc bên cho thuê mua tàu bay có quyền cho thuê lại tàu bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng cho thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay không phải là chủ sở hữu tàu bay.” |  |  |
| 17. Sửa đổi bổ sung điểm b khoản 2 Điều 17 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.” |  |  |
| 18. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 19 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.” |  |  |
| 19. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 20 như sau: |  |  |
| b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.” |  |  |
| 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau: |  |  |
| “3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị xóa đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.” |  |  |
| 21. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 21 như sau |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.” |  |  |
| 22. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 như sau: |  |  |
| “3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.” |  |  |
| 23. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 2 Điều 22 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.” |  |  |
| c) Bản sao giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền lợi quốc tế đối với tàu bay của người đề nghị cấp mã số AEP.” |  |  |
| 24. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 2 Điều 23 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. |  |  |
| c) Bản sao tài liệu chứng minh quyền lợi quốc tế của người được chỉ định đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.” |  |  |
| 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 như sau: |  |  |
| “2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA bao gồm: |  |  |
| a) Hai (02) tờ khai xóa đăng ký văn bản IDERA theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó Người được chỉ định trong văn bản IDERA trực tiếp ký đơn đề nghị xóa đăng ký; |  |  |
| b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.” |  |  |
| 26. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 26 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.” |  |  |
| 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau: | **Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn**  Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị gộp khoản 6 vào khoản 3 Điều 27 (đã được sửa đổi, bổ sung) | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu ý kiến và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo. |
| **“Điều 27. Giải quyết khiếu nại, kiến nghị; sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA** |  |  |
| 1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm giải quyết và trả lời bằng văn bản các khiếu nại, kiến nghị hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA. |  |  |
| 2. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA gửi 1 bộ hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. |  |  |
| 3. Hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA bao gồm: |  |  |
| a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |  |
| b) Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.  Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại; |  |  |
| c) Bản sao tài liệu chứng minh về các thông tin cần sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh. |  |  |
| 4. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA, cấp Giấy chứng nhận mới hoặc ban hành văn bản liên quan.  Trường hợp từ chối việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA thì Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.  Các Giấy chứng nhận mới hoặc văn bản liên quan được Cục Hàng không Việt Nam ban hành sau quá trình sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh sẽ thay thế cho các giấy chứng nhận, văn bản tương ứng ban đầu. |  |  |
| 5. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA phải nộp phí theo quy định của pháp luật.” |  |  |
| 28. Số lượng hồ sơ để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký quốc tịch tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay quy định tại Nghị định này là 01 bộ. | **UBND tỉnh Thanh Hóa:**  Tại khoản 28 Điều 1 có nội dung “Số lượng hồ sơ để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký quốc tịch tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay quy định tại Nghị định này là 01 bộ” . Tuy nhiên, tại khoản này chưa thể hiện được sửa đổi, bổ sung Điều, khoản nào của Nghị định số 98/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 của Chính phủ. Đề nghị xem xét, bổ sung cho đầy đủ. | Về ý kiến này, Bộ GTVT xin giải trình ý kiến góp ý như sau:  Số lượng hồ sơ là 1 bộ áp dụng đối với Nghị định 68/2015/NĐ-CP và nội dung này đã được bổ sung tại Nghị định 07/2019/NĐ-CP để tránh việc lặp lại, liệt kê trùng lặp một nội dung. Khi xem nội dung văn bản hợp nhất sẽ thể hiện đầy đủ nội dung điều, khoản. |
| **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số**[**92/2016/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-68-2015-nd-cp-quy-dinh-dang-ky-quoc-tich-va-dang-ky-cac-quyen-doi-voi-tau-bay-287158.aspx)**ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.** | **Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam:**  Đề nghị Bổ sung Điều 14 như sau:  3. Doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh cảng Hàng không được phép kinh doanh các dịch vụ hàng không tại các cảng hàng không, sân bay được cấp phép và đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 65 Luật HKDDVN  Lý do: đề giảm bớt thủ tục hành chính do khi nộp hồ sơ, Doanh nghiệp được cấp GPKD cảng hàng không đã có đầy đủ hồ sơ chứng minh khả năng đáp ứng kinh doanh các dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo đó bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP theo hướng không yêu cầu doanh nghiệp cảng phải đáp ứng yêu cầu mức vốn tối thiểu 30 tỷ đồng để thành lập và duy trì khi cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng do doanh nghiệp cảng đã phải đáp ứng yêu cầu mức vốn tối thiểu 100 tỷ để thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng (Điều 14 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP |
| 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau: | **Thanh tra Bộ:**  Đề nghị bổ sung quy định về điều kiện vốn của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không (để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 65 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam), doanh nghiệp không phải duy trì mức vốn dư tối thiểu là 30 tỷ đồng trong quá trình kinh doanh (để phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng tại điều kiện 1 của mục II Phần II Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021). | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định |
|  | **Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam:**  Đề nghị bổ sung quy định riêng về dịch vụ xăng dầu hàng không tại Nghị định số 92/2016/NĐ-CP: Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không phải tuân thủ các quy định tại Nghị định về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | Về ý kiến này, Bộ GTVT có ý kiến như sau:  Việc doanh nghiệp phải có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan là nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp nói chung và các Luật chuyên ngành nói riêng.  Do đó, khi kinh doanh dịch vụ xăng dầu hàng không, doanh nghiệp phải đáp ứng các quy định tại Nghị định 92/2016/NĐ-CP và Nghị định về kinh doanh xăng dầu |
|  | **Bộ Công an**  Cơ bản nhất trí đối với nội dung của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng: Đề nghị cơ quan chủ trì giải trình làm rõ lý do bai bỏ quy định tại khoản 2 Điều 16 quy định các điều kiện về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường đối với điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; bởi vì, theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan như phòng cháy, chữa cháy thì doanh nghiệp là cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy và quá trình hoạt động phải bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy. Theo đó đề nghị cơ quan chủ trì tiếp tục kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP để quy định trong dự thảo Nghị định hoặc trích dẫn nội dung theo hướng đáp ứng yêu cầu bảo đảm điều kiện về an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo pháp luật hiện hành. | Về ý kiến này, Bộ GTVT xin giải trình ý kiến góp ý như sau:  Nghị định 89/2019/NĐ-CP đã chỉnh sửa quy định lại trong đó dẫn chiếu điều kiện đáp ứng quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 65 Luật HKDD và thành phần hồ sơ tại Điều 18 tương ứng với điều kiện tại Điều 16, quy định tại Nghị định 92 đã được sửa đổi để thống nhất với Luật HKDD, tránh làm phát sinh thêm hồ sơ và yêu cầu điều kiện. |
|  | **Bộ Kế hoạch và đầu tư**  Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 92/2016/NĐ-CP và Nghị định số 89/2019/NĐ-CP theo hướng bỏ nội dung tại khoản 2 quy định về mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 16 sửa đổi lại quy định doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 2 Điều 65 Luật HKDD Việt Nam. Theo đó, tại điểm d khoản 2 Điều 65 Luật HKDD quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: “Đáp ứng điều kiện về vốn theo quy định của Chính phủ”. Do vậy, dự thảo Nghị định chưa có sự điều chỉnh toàn diện, thống nhất về nội dung này. Ngoài ra, đề nghị Bộ GTVT làm rõ điều kiện về vốn Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không quy định tại điểm d khoản 2 Điều 65 Luật HKDD sẽ được CHính phủ quy định tại Nghị định nào khi Dự thảo Nghị định được sửa đổi theo hướng nêu trên. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo đó bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP nhằm đơn giản thủ tục hành chính theo hướng không yêu cầu doanh nghiệp cảng phải đáp ứng yêu cầu mức vốn tối thiểu 30 tỷ đồng để thành lập và duy trì khi cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng do doanh nghiệp cảng đã phải đáp ứng yêu cầu mức vốn tối thiểu 100 tỷ để thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng (Điều 14 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP |
| “**Điều 16. Điều kiện cấp** **Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay** |  |  |
| 1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 65 Luật hàng không dân dụng Việt Nam và được Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, đánh giá theo phân ngành dịch vụ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định này. |  |  |
| 2. Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.” | **Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam:**  Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, ~~dịch vụ xăng dầu hàng không~~, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp  Lý do:  1. Căn cứ cam kết gia nhập WTO của Việt Nam (Phần II – Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ): Việt Nam không mở cửa thị trường xăng dầu cho thương nhân nước ngoài.  2. Căn cứ Nghị định về kinh doanh xăng dầu (VBHN số 7/VBHN-BCT ngày 23/11/2021):  + Xăng dầu Hàng không là một trong các sản phẩm của “Xăng dầu” được định nghĩa tại khoản 1 Điều 3 Nghị định;  + Dịch vụ xăng dầu hàng không là một trong các hoạt động “kinh doanh xăng dầu” được định nghĩa tại khoản 2 Điều 3 Nghị định;  + Theo ĐIều 5a Nghị định:  “Điều 5a. Chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài  Ngoài các thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt góp vốn hoặc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, thương nhân kinh doanh xăng dầu có hoạt động sản xuất xăng dầu nếu có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài thì phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.”  Từ các quy định 1 và 2, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với thương nhân kinh doanh xăng dầu phải được Thủ tướng CP phê duyệt trước khi nhà đầu tư nước ngoài góp vốn hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần. Do vậy, để tránh quy định khác nhau giữa NĐ quy định liên quanđến hoạt động KD trong lĩnh vực HKDD và Nghị định về kinh doanh xăng dầu, đề nghị bỏ nội dung “Dịch vụ xăng dầu HK”. | Về ý kiến này, Bộ GTVT có ý kiến như sau: trong quá trình xây dựng Nghị định số 92/2016/NĐ-CP cũng đã đánh giá và hiện không mâu thuẫn với các điều ước quốc tế và hệ thống VBQPPL tại Việt Nam. Các quy định này không cấm nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh tại thị trường Việt Nam đồng thời Nghị định về kinh doanh xăng dầu không quy định mức cụ thể (Thủ tướng Chính phủ xem xét), việc thuân thủ quy định NGhị định do Chính phủ ban hành về mức hạn chế vốn góp của NĐT nước ngoài là phù hợp về thẩm quyền, và tính thống nhất của hệ thống PL. |
| 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau: | **UBND tỉnh Thanh Hóa:**  Tại khoản 2, khoản 4 Điều 2: để thuận tiện trong quá trình thực hiện, đề nghị nêu rõ, cụ thể cụm từ “các hình thức phù hợp khác” là những hình thức nộp, gửi hồ sơ như thế nào tại các khoản nêu trên | Về ý kiến này, Bộ GTVT xin giải trình như sau:  Việc quy định các hình thức phù hợp khác đã bao gồm hình thức nộp qua Dịch vụ công trực tuyến và có thể đối với một số TTHC đặc thù có hệ thống thông tin liên lạc khác như thư điện tử, AFTN (hệ thống thông tin liên lạc hàng không)… việc quy định như dự thảo đang được sử dụng phổ biến trong hệ thống VBQPPL nói chung và HKDD nói riêng để linh hoạt trong hình thức tiếp nhận TTHC. |
| **“Điều 18. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay**  1. Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: |  |  |
| a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |  |
| b) Tài liệu giải trình của doanh nghiệp về việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này. | **Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam:**  Đề nghị sửa như sau:  b) Tài liệu ~~giải trình~~ ***chứng minh*** của doanh nghiệp về việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này. | Về ý kiến này, Bộ GTVT có ý kiến như sau:  Tài liệu chứng minh có thể chỉ bao gồm bản sao các tài liệu, Cục HKVN đề nghị bổ sung giải trình của cơ quan, đơn vị về việc đáp ứng các quy định của pháp luật. |
| 2. Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do. |  |  |
| Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời hướng dẫn người đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định. |  |  |
| 3. Cục Hàng không Việt Nam thông báo về việc cấp giấy phép cho Cảng vụ hàng không để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.” |  |  |
| 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 19 như sau: |  |  |
| **“**b) Bản sao các tài liệu có liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy phép (nếu có).” |  |  |
| 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau: | **UBND tỉnh Thanh Hóa:**  Tại khoản 2, khoản 4 Điều 2: để thuận tiện trong quá trình thực hiện, đề nghị nêu rõ, cụ thể cụm từ “các hình thức phù hợp khác” là những hình thức nộp, gửi hồ sơ như thế nào tại các khoản nêu trên | Về ý kiến này, Bộ GTVT xin giải trình như sau:  Việc quy định các hình thức phù hợp khác đã bao gồm hình thức nộp qua Dịch vụ công trực tuyến và có thể đối với một số TTHC đặc thù có hệ thống thông tin liên lạc khác như thư điện tử, AFTN (hệ thống thông tin liên lạc hàng không)… việc quy định như dự thảo đang được sử dụng phổ biến trong hệ thống VBQPPL nói chung và HKDD nói riêng để linh hoạt trong hình thức tiếp nhận TTHC. |
| “**Điều 27. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không** |  |  |
| 1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau: |  |  |
| a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |  |
| b) Tài liệu giải trình tổ chức huấn luyện về việc đáp ứng yêu cầu tại Điều 25, Điều 26 của Nghị định này. |  |  |
| 2. Nội dung của tài liệu giải trình tổ chức huấn luyện bao gồm: |  |  |
| a) Danh sách trích ngang giáo viên; |  |  |
| b) Báo cáo về cơ sở vật chất: Phòng học, trang thiết bị, cơ sở hoặc nơi thực hành phù hợp với nội dung đào tạo; |  |  |
| c) Báo cáo về chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện lý thuyết, thực hành liên quan đến từng môn học; |  |  |
| d) Báo cáo về hệ thống tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không. |  |  |
| 3. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan, chỉnh sửa tài liệu; cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cho cơ sở đề nghị theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.” |  |  |
| **Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số**[**05/2021/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-68-2015-nd-cp-quy-dinh-dang-ky-quoc-tich-va-dang-ky-cac-quyen-doi-voi-tau-bay-287158.aspx)**ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay** | **UBND tỉnh Thanh Hóa:**  Tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 khoản 6 và khoản 9 Điều 3: để thuận tiện trong quá trình thực hiện, đề nghị nêu rõ, cụ thể cụm từ “các hình thức phù hợp khác” là những hình thức nộp, gửi hồ sơ như thế nào tại các khoản nêu trên  **Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn**  Đề nghị rà soát quy định về “các hình thức phù hợp khác” tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị định để quy định chi tiết | Về ý kiến này, Bộ GTVT xin giải trình như sau:  Việc quy định các hình thức phù hợp khác dể phù hợp đối với một số TTHC đặc thù có hệ thống thông tin liên lạc khác như thư điện tử, AFTN (hệ thống thông tin liên lạc hàng không)… việc quy định như dự thảo đang được sử dụng phổ biến trong hệ thống VBQPPL nói chung và HKDD nói riêng để linh hoạt trong hình thức tiếp nhận TTHC. |
|  | **Bộ Tài chính**  Nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay quy định về Bản vẽ tổng mặt bằng khi đầu tư xây dựng CHK, sân bay chưa đầy đủ. Việc bố trí hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật của cơ quan hải quan nhằm đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan cần được thực hiện ngay từ khâu thiết kế, do cơ quan hải quan ứng dụng những trang thiết bị hiện đại, có khả năng kết nối ngầm vào cơ sở hạ tầng, ví dụ đầu nhận dạng từ tính thông minh dự kiến được đặt ngầm tại các cửa ra, vào để quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, hành lý của hành khách xuất nhập cảnh.  Do vậy, đề nghị bổ sung thêm một khoản mới tại Điều 3 nội dung dự thảo Nghị định như sau:  “khoản...sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 49 như sau:  b. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với hạ tầng kỹ thuật chung của cảng hàng không, đáp ứng hạ tầng kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng hàng không: Hướng tuyến, quy mô, cấp đường; cao độ khống chế các đầu mối; mặt cắt ngang điển hình; luồng bố trí máy soi chiếu, camera giám sát, hệ thống nhận dạng từ tính của cơ quan hải quan.” | Về ý kiến này, Bộ GTVT có ý kiến như sau:  1. Đề xuất của Bộ Tài chính bổ sung “*luồng bố trí máy soi chiếu, camera giám sát, hệ thống nhận dạng từ tính của cơ quan hải quan*”. Đây là các thiết kế sơ bộ, chi tiết của công trình và liên quan trực tiếp đến dây chuyền công nghệ, phương án công nghệ. Theo đó  + Hiện tại Luật Quy hoạch đã bỏ khái nhiệm “quy hoạch chi tiết cảng hàng không ,sân bay” tỷ lệ 1/500. Tuy nhiên Luật Xây dựng lại quy định khi cấp Giấy phép xây dựng phải phù hợp với quy hoạch chi tiết 1/500. Để tháo gỡ vướng mắc cho các công trình xây dựng tại CHK, NĐ 05 đã quy định ra Bản vẽ tổng mặt bằng và hồ sơ bản vẽ tổng mặt bằng tương đương với quy hoạch chi tiết 1/500, theo đó chưa thể hiện “dây chuyền công nghệ chi tiết của từng hạn mục công trình”.  +. Khoản 40 Điều 3 Luật Xây dựng quy định chi tiết “*Thiết kế sơ bộ là thiết kế được lập trong* ***Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi*** *đầu tư xây dựng, thể hiện những ý tưởng ban đầu về thiết kế xây dựng công trình, lựa chọn sơ bộ về* ***dây chuyền công nghệ****, thiết bị làm cơ sở xác định chủ trương đầu tư xây dựng công trình*”. Như vậy bước xác định dây chuyền công nghệ nằm trong bước báo cáo nghiên cứu tiền khả thi  + Điều 57 Luật Xây dựng năm 2020 quy định khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư thì phải ***thẩm định về phương án công nghệ***  Như vậy bước dây chuyền công nghệ, phương án công nghệ nằm ở bước báo cáo tiền khả thi, báo cáo khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật (tùy theo quy mô công trình), không nằm trong bước quy hoạch 1/500 hay bản vẽ tổng mặt bằng. Vì vậy không cần thiết phải đưa quy định về dây chuyền công nghệ vào bước Bản vẽ tổng mặt bằng. Việc kiểm soát dây chuyền công nghệ sẽ thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng  2. Việc quy định trên sẽ làm tăng thêm thủ tục hành chính, đồng thời phải rà soát, đưa quy định về dây chuyền công nghệ hàng không đối với tất cả các công trình xây dựng tại CHKSB vào ngay bước Bản vẽ tổng mặt bằng để đảm bảo đồng bộ, tránh trường hợp chỉ đưa quy định về dây chuyền công nghệ liên quan đến hải quan. Như vậy phải tiếp tục lấy ý kiến bổ sung, đánh giá tác động chính sách và tăng thời gian xử lý thủ tục hành chính. Trường hợp triển khai theo hình thức này sẽ không đáp ứng yêu cầu về đơn giản hóa thủ tục hành chính theo chỉ đạo của TTCP. |
| 1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 43 như sau: |  |  |
| a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 43 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền”; |  |  |
| b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 43 như sau: |  |  |
| c) Bản sao phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.” |  |  |
| 3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 45 như sau: |  |  |
| “a) Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Báo cáo bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;” |  |  |
|  |  |  |
| 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 49 như sau: |  |  |
| “4. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay tổ chức lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án được cấp có thẩm quyền giao đầu tư và gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm: |  |  |
| a) Văn bản đề nghị phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng; |  |  |
| b) Bản sao hồ sơ bản vẽ tổng mặt bằng, bao gồm: thuyết minh bản vẽ tổng mặt bằng và các bản vẽ có liên quan; |  |  |
| c) Bản sao văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan; |  |  |
| d) Bản sao văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;  Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, thẩm định và phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam nêu rõ lý do.” | **Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam:**  Đề nghị sửa như sau:  Trong thời hạn ~~45~~ ***15*** ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, thẩm định và phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam nêu rõ lý do.”  Lý do: Thời gian phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đề nghị 15 ngày, tham khảo thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù theo khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo hướng giảm thời gian thực hiện từ 45 ngày xuống còn 30 ngày. |
| 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 50 như sau: |  |  |
| “5. Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc Cảng vụ hàng không theo quy định của khoản 4 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm: |  |  |
| a) Văn bản đề nghị chấp thuận; |  |  |
| b) Bản sao phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công kèm phương án điều chỉnh khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, phương án điều chỉnh khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay (nếu có); |  |  |
| c) Bản sao thỏa thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan; |  |  |
| d) Bản sao giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc đối tượng phải cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.” |  |  |
| 6.Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 9 Điều 51 như sau: |  |  |
| a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 51 như sau: |  |  |
| “4. Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm: | **Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam:**  Đề nghị bổ sung như sau:  “4. Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác trực tiếp hoặc **cổng thông tin một cửa** hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu, chỉnh lý theo hướng nộp trực tuyến trên môi trường điện tử đảm bảo phù hợp với Nghị định số 45/2020/NĐ-CP |
| a) Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác bao gồm các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng phù hợp với quy định thông báo tin tức hàng không; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình; tuổi thọ công trình; |  |  |
| b) Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng và bản sao văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng; |  |  |
| c) Dự thảo Tài liệu khai thác công trình.” |  |  |
| b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 51 như sau: |  |  |
| “5. Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 1 Điều này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm: |  |  |
| a) Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời phù hợp với quy định thông báo tin tức hàng không; |  |  |
| b) Bản sao sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời; |  |  |
| c) Bản sao phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời; |  |  |
| d) Bản sao biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.” |  |  |
| c) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 51 như sau: |  |  |
| “9. Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ, người khai thác công trình phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác công trình. Định kỳ một lần trong năm, người khai thác công trình rà soát và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lại tài liệu khai thác công trình khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác công trình. Người khai thác công trình gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm: |  |  |
| a) Văn bản đề nghị phê duyệt; |  |  |
| b) Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu; |  |  |
| c) Bản sao tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;” |  |  |
| 7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 53 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.” |  |  |
| 8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và điểm b khoản 6 Điều 55 như sau: |  |  |
| a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 55 như sau: |  |  |
| “b) Dự thảo tài liệu khai thác sân bay.” |  |  |
| b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 55 như sau: |  |  |
| “b)Bản sao Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.” |  |  |
| 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 56 như sau: | **Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn:**  khoản 9, đề nghị bỏ điểm d khoản 2 Điều 56 (đã được sửa đổi, bổ sung) để tránh trùng lặp. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa dự thảo Nghị định |
| “2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay rà soát định kỳ mỗi năm một lần tài liệu khai thác sân bay hoặc khi được Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu, khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay làm ảnh hưởng đến phương thức, quy trình khai thác, Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm: |  |  |
| a) Văn bản đề nghị phê duyệt; |  |  |
| b) Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu; |  |  |
| c) Bản sao tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung; |  |  |
| d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.” |  |  |
| 10. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều 57 như sau: |  |  |
| a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 57 như sau: | **Thanh tra Bộ:**  Đề nghị sửa điểm a khoản 10 Điều 3 thành “sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 57 để phù hợp với nội dung của các điểm trong Khoản 1 Điều 57 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa dự thảo Nghị định |
| **“**b) Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và danh sách nhân viên được cấp giấy phép hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng; | **Thanh tra Bộ:**  Đề nghị sửa điểm b khoản 10 Điều 3 thành “sửa đổi, bổ sung điểm d Khoản 1 Điều 57” để phù hợp với nội dung của các điểm trong Khoản 1 Điều 57 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021. | Về ý kiến này, Bộ GTVT tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa dự thảo Nghị định |
| b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 57 như sau: |  |  |
| c) Bản sao hồ sơ xác nhận vốn;” |  |  |
| c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 57 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).” |  |  |
| 12. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, điểm b, c khoản 7 Điều 59 như sau: |  |  |
| a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 59 như sau: |  |  |
| “d) Bản sao chứng chỉ chuyên môn theo quy định.”. |  |  |
| b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 59 như sau:  “a) Hồ sơ bao gồm: các tài liệu quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này và bản sao tài liệu chứng minh nhân viên được đào tạo định kỳ hoặc đào tạo phục hồi theo quy định;”. |  |  |
| c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 59 như sau: |  |  |
| “a) Hồ sơ bao gồm: tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và 01 ảnh màu kích thước 3 cm x 4 cm đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc file ảnh đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến. Ảnh chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ;”. |  |  |
| d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 59 như sau: |  |  |
| “a) Hồ sơ bao gồm: tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và 01 ảnh màu kích thước 3 cm x 4 cm đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc file ảnh đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (ảnh chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ); Bản sao Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động của tổ chức sử dụng lao động trước đó, bản sao Hợp đồng lao động của tổ chức tiếp nhận và bản sao Giấy phép được Cục Hàng không Việt Nam cấp còn hiệu lực đối với trường hợp có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không; |  |  |
| đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 59 như sau: |  |  |
| “b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện) và 01 ảnh màu kích thước 3 cm x 4 cm đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc file ảnh đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (ảnh chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ); |  |  |
| e) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 Điều 59 như sau: |  |  |
| c) Bản sao chứng chỉ chuyên môn theo quy định.” |  |  |
| 13. Thay thế cụm từ “bưu điện” tại khoản 1 Điều 43; khoản 4, khoản 5 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 52; khoản 2 Điều 53; khoản 1, khoản 6, khoản 7 Điều 55; khoản 1 Điều 60; khoản 2 Điều 60 bằng cụm từ “hệ thống bưu chính”. |  |  |
| **Điều 4. Bãi bỏ một số điều và thay thế một số biểu mẫu Nghị định 68/2015/NĐ-CP; Nghị định 92/2016/NĐ-CP và Nghị định 89/2019/NĐ-CP** |  |  |
| 1. Bãi bỏ Khoản 3 Điều 5, Khoản 3 Điều 6, Khoản 4 Điều 9, điểm c Khoản 1 Điều 10, Khoản 3 Điều 15, Khoản 3 Điều 16, Khoản 3 Điều 22, Khoản 3 Điều 23, Khoản 3 Điều 24 và Khoản 4 Điều 27 Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ. |  |  |
| 2. Bãi bỏ Khoản 2 Điều 16 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ. |  |  |
| 3. Bãi bỏ khoản 15, khoản 16, khoản 22 Điều 1 Nghị định 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ. |  |  |
| 4. Thay thế Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số [68/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-68-2015-nd-cp-quy-dinh-dang-ky-quoc-tich-va-dang-ky-cac-quyen-doi-voi-tau-bay-287158.aspx) ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ bằng Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. |  |  |
| 5. Thay thế Mẫu số 03 và Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục tại Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 bằng Mẫu số 3b, Mẫu số 4 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. |  |  |
| **Điều 5. Điều khoản thi hành** |  |  |
| 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022 |  |  |
| 2. Bãi bỏ Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [68/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-68-2015-nd-cp-quy-dinh-dang-ky-quoc-tich-va-dang-ky-cac-quyen-doi-voi-tau-bay-287158.aspx) ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay. |  |  |
| 3. Các hồ sơ đề nghị đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đang được xử lý trước khi Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Nghị định số [68/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-68-2015-nd-cp-quy-dinh-dang-ky-quoc-tich-va-dang-ky-cac-quyen-doi-voi-tau-bay-287158.aspx) ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay và Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [68/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-68-2015-nd-cp-quy-dinh-dang-ky-quoc-tich-va-dang-ky-cac-quyen-doi-voi-tau-bay-287158.aspx) ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay . | **Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn:**  Đề nghị quy định rõ hơn về điều khoản chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định “3. Các hồ sơ đề nghị đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đang được xử lý trước khi Nghị định này có hiệu lực …” để đảm bảo rõ ràng, thống nhất khi thực hiện | Về ý kiến này, Bộ Giao thông vận tải tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định |
| **Điều 6. Tổ chức thực hiện** |  |  |
| Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  |  |
|  |  |  |
| **Các cơ quan đơn vị thống nhất:**  - Các Bộ: Bộ Quốc phòng; Bộ Nội Vụ; Thanh Tra Chính Phủ; Bộ Y tế; Công thương;  - Ủy Ban Dân tộc;  - Các Vụ: Vụ KCHTGT;  - Các tỉnh: Vĩnh Long; Cao Bằng; Hòa Bình; Lạng Sơn; Đồng Nai; Đắk Nông; Lâm Đồng; Vĩnh Phúc; Bạc Liêu; Bắc Kạn; Quảng Nam; Bình Định; Kon Tum; Bắc Giang; Hải Phòng; Lào Cai; Đắk Lắk; Nam Định; Tuyên Quang; Quảng Trị; Thái Nguyên; Trà Vinh; Đồng Tháp; Cao Bằng; Cà Mau; Sơn La; Ninh Bình; Phú Thọ; Gia Lai; An Giang; Thái Bình; Bến Tre; Cần Thơ; Quản Bình; Điện Biên; Tiền Giang; Bình Dương; Quảng Ngãi, Bình Phước; Yên Bái; Hậu Giang; Đà Nẵng; Kiên Giang;  - Cảng vụ HK Miền Nam; Tổng công ty QLB Việt Nam | | |

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. [↑](#footnote-ref-1)